

Bản án số: 1122/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 10 - 2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 761/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2018/QĐST- XX ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: 128/4/37 đường Ng, phường Ph, quận T, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1970

Địa chỉ: 128/4/37 đường Ng, phường Ph, quận T, Thành phố H.

(Bà T có mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bá H kết hôn vào năm 2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 23/02/2007 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph, tỉnh Th.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, không tin tưởng

nhau, ghen tuông cãi vã đánh nhau, vợ chồng sống ly thân được 02 năm, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung, Bà đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/5/2007 và Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 10/7/2012 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tình xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2018 bị đơn ông Nguyễn Bá H trình bày:

Quá trình chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như lời bà T trình bày. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/5/2007 và Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 10/7/2012. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Ngày 28/8/2018 ông H có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại tòa án và giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 28/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 13 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph, tỉnh Th cấp ngày 23/02/2007 cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Bá H thì quan hệ hôn nhân giữa bà Tình và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông H hiện đang cư trú tại quận T, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Nguyễn Bá H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ. Ngày 28/8/2018 ông H có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử nên Hội đồng

xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bá H:

Theo lời trình bày của bà T trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không tin tưởng nhau, ghen tuông cãi vã dẫn đến đánh nhau, vợ chồng sống ly thân được 02 năm, trong thời gian ly thân vợ chồng không có quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2018 ông Nguyễn Bá H xác nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như lời bà T trình bày, ngoài ra, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông H xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/5/2007, khi ly hôn ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, 02 trẻ Ng và V có nguyện vọng được sống cùng ông H. Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/5/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của 02 trẻ và phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên hoãn nghĩa vụ cấp đối với bà T.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; 59, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Bá H. Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Bá H (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph, tỉnh Th cấp ngày 23/02/2007) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao cho ông Nguyễn Bá H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 30/5/2007.

Trong trường hợp ông H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hoàn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà T.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0011473 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Nguyễn Bá H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân xã V, H.V, tỉnh Th
- Lưu VP, hồ sơ (Hạnh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

